

Bản án số: 61/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 10/7/2024

V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH CHƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Thọ

Ông Nguyễn Doãn Ước

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thoả là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương T - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2024/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp về ly hôn, nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2024/QĐST- HNGĐ ngày 26/6/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T1, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Lương Quang N, sinh năm 1976; địa chỉ: Xóm P, Xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện; bản tự khai; biên bản hoà giải và đơn đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Trần Thị T1 trình bày như sau:

Về hôn nhân: Chị kết hôn với anh Lương Quang N vào ngày 27/7/2005 do hai bên tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Sau kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu sau đó thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, đến năm 2007 thì mâu thuẫn trầm trọng và anh Lương Quang N bỏ về quê tại Xóm P, Xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An sống ly thân cho đến nay. Tình cảm vợ chồng là không còn chị yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Quang N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lương Quốc T2, sinh ngày 02/6/2005 và Lương Thị Song T3, sinh ngày 25/8/2007. Cháu Lương Thị Song T3 ở với chị từ nhỏ

đến nay, hiện nay cháu đang là học sinh lớp 11 Trường THCS T4, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Chị Trần Thị T1 yêu cầu được nuôi cháu và Lương Thị Song T3, sinh ngày 25/8/2007 và không yêu cầu anh Lương Quang N cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Lương Quốc T2, sinh ngày 02/6/2005 đã trên 18 tuổi trưởng thành không yêu cầu giải quyết, cháu ở với ai tùy cháu.

Về chia tài sản và nợ: Chị Trần Thị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến bị đơn anh Lương Văn N1: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập lần thứ 01, lần thứ 02; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ 01, lần thứ 02; Quyết định đưa xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Lương Văn N1, nhưng anh không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập và Thông báo của Tòa án.

Kết quả xác minh thì bà Trịnh Thị H, sinh năm 1941; địa chỉ: Xóm P, Xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An là mẹ đẻ anh Lương Văn N1 có cùng nơi cư trú với anh Lương Văn N1 cho biết: Anh Lương Văn N1 đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải của Tòa án. Ý kiến anh Lương Văn N1 là đồng ý ly hôn với chị Trần Thị T1.

Về nuôi con chung: Anh Lương Văn N1 đồng ý giao con chung là Lương Thị Song T3, sinh ngày 25/8/2007 cho chị Trần Thị T1 trực tiếp nuôi dưỡng, anh xin tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản và nợ: Anh Lương Văn N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn; bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị T1 được ly hôn anh Lương Văn N1.

Về nuôi con chung: Giao con chung là Lương Thị Song T3, sinh ngày 25/8/2007 cho chị Trần Thị T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Lương Văn N1.

Đối với cháu Lương Quốc T2, sinh ngày 02/6/2005 đã trên 18 tuổi trưởng thành không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về chia tài sản và nợ: Đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Chị Trần Thị T1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Tại phiên toà nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn; bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị **Trần Thị T1** và anh **Lương Văn N1** là hợp pháp, được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 27/7/2005. Sau kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu, đến năm 2007 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp. Chị **Trần Thị T1** xin ly hôn thì anh **Lương Văn N1** đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy về quan hệ hôn nhân giữa chị **Trần Thị T1** và anh **Lương Văn N1** chỉ tồn tại về mặt hình thức, thực chất tình trạng hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Trần Thị T1**, xử cho chị được ly hôn với anh **Lương Văn N1** là đúng với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là **Lương Quốc T2**, sinh ngày 02/6/2005 và **Lương Thị Song T3**, sinh ngày 25/8/2007. Chị **Trần Thị T1** yêu cầu được nuôi cháu và **Lương Thị Song T3**, sinh ngày 25/8/2007 và không yêu cầu anh **Lương Quang N** cấp dưỡng nuôi con. Kết quả xác minh thì anh **Lương Văn N1** cũng đồng ý giao con cho chị **Trần Thị T1** nuôi dưỡng, anh xin tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến cháu **Lương Thị Song T3**, sinh ngày 25/8/2007 là có nguyện vọng được ở với mẹ.

Xét thấy đây là sự thoả thuận của các đương sự về việc nuôi con không trái với pháp luật và đạo đức xã hội, vì vậy giao con chung cho chị **Trần Thị T1** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh **Lương Văn N1** là đảm bảo được quyền lợi mọi mặt của con, phù hợp với nguyện vọng của con, đúng với quy định tại các Điều 81,82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Đối với cháu **Lương Quốc T2**, sinh ngày 02/6/2005 đã trên 18 tuổi trưởng thành không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về chia tài sản và nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị **Trần Thị T1** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Xét thấy ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa; những người tham gia tố tụng và việc đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng pháp luật để giải quyết nội dung vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Về hôn nhân: Cho chị **Trần Thị T1** được ly hôn anh **Lương Văn N1**.

Về nuôi con chung: Giao con chung là **Lương Thị Song T3**, sinh ngày 25/8/2007 cho chị **Trần Thị T1** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh **Lương Văn N1**.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một bên hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người yêu cầu thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án

Về án phí: Chị **Trần Thị T1** phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn*) theo biên lai số 0011809 ngày 21/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKS huyện Thanh Chương;
- Chi cục THA dân sự H. Thanh Chương;
- UBND xã Đan Trường, Nghi Xuân, Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Dũng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

T THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Sửu

Nguyễn Tư Hải Phong

Trần Văn Dũng

